

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP CẢ NĂM
LỚP: 6A3 - GVCN: NGUYỄN THÁI MỸ HOÀNG - NĂM HỌC: 2020-2021

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Toán	Vật lí	Sinh học	Ngữ văn	Lịch Sử	Địa Lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tin học	ĐTB	XLHL	XLHK	DHTD	K.Quả	
1	Lê Ngọc Bảo	Anh	x	6.5	6.9	5.9	8.0	8.2	7.4	7.3	8.9	8.1	Đ	Đ	Đ	8.1	7.5	K	T	TT	Lên lớp	
2	Nguyễn Vũ Hồng	Ân	x	6.0	7.6	6.8	7.0	9.1	6.5	5.4	8.7	8.3	Đ	Đ	Đ	8.3	7.4	K	T	TT	Lên lớp	
3	Phạm Ngọc Thiên	Ân	x	6.9	6.9	5.9	5.9	5.4	6.2	6.2	7.7	8.1	Đ	Đ	Đ	5.8	6.5	K	T	TT	Lên lớp	
4	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo		4.6	5.7	3.9	5.3	5.7	5.6	5.7	7.0	5.9	Đ	Đ	Đ	5.9	5.5	Tb	K		Lên lớp	
5	Trần Quốc	Cường		7.9	8.2	7.2	7.8	6.5	8.3	7.6	9.1	8.6	Đ	Đ	Đ	7.5	7.9	K	T	TT	Lên lớp	
6	Đỗ Nguyễn	Duy		4.2	5.6	4.3	5.5	7.6	4.7	4.1	6.1	5.7	Đ	Đ	Đ	5.0	5.3	Tb	K		Lên lớp	
7	Hoàng Huỳnh Gia	Đại		6.5	7.4	6.3	8.0	7.1	7.8	6.4	7.3	8.0	Đ	Đ	Đ	6.8	7.2	K	T	TT	Lên lớp	
8	Nguyễn Trần Phước	Hải		9.4	8.8	8.7	8.9	9.5	8.6	8.4	9.7	8.4	Đ	Đ	Đ	9.2	9.0	G	T	G	Lên lớp	
9	Bùi Trần Gia	Hân	x	6.5	6.8	6.4	7.4	7.3	6.9	6.1	8.6	7.6	Đ	Đ	Đ	6.2	7.0	K	T	TT	Lên lớp	
10	Huỳnh Nhật	Hoàng		5.3	5.7	4.2	6.9	6.3	5.7	5.2	7.4	6.3	Đ	Đ	Đ	5.8	5.9	Tb	T		Lên lớp	
11	Trần Lê Đức	Huy		7.4	8.1	6.3	6.1	8.4	5.5	6.7	8.2	8.0	Đ	Đ	Đ	7.0	7.2	K	T	TT	Lên lớp	
12	Hoàng Văn Gia	Huy		4.3	6.6	5.5	6.1	6.7	8.1	4.7	6.2	7.1	Đ	Đ	Đ	7.8	6.3	Tb	K		Lên lớp	
13	Trần Quốc	Huy		4.2	6.0	4.3	6.1	4.0	6.3	4.3	7.3	5.8	Đ	Đ	Đ	5.8	5.4	Tb	K		Lên lớp	
14	Phạm Phú	Hưng		6.1	7.8	8.2	7.4	8.1	8.0	7.7	7.9	8.1	Đ	Đ	Đ	8.3	7.8	K	T	TT	Lên lớp	
15	Mai Nguyễn Quỳnh	Hương	x	5.9	7.5	7.2	8.0	7.8	7.9	7.2	9.1	8.3	Đ	Đ	Đ	8.9	7.8	K	T	TT	Lên lớp	
16	Thái Tấn	Khang		6.6	9.4	8.5	8.6	8.2	8.6	8.4	9.4	8.1	Đ	Đ	Đ	8.4	8.4	G	T	G	Lên lớp	
17	Lý Vinh	Khang		8.4	7.5	7.9	7.3	8.2	7.3	7.1	8.4	8.3	Đ	Đ	Đ	8.1	7.9	K	T	TT	Lên lớp	
18	Trần Nguyễn Đăng	Khoa		5.5	5.1	4.4	6.6	4.7	6.6	5.1	6.4	6.4	Đ	Đ	Đ	5.7	5.7	Tb	T		Lên lớp	
19	Dương Hoàng	Kim		6.5	8.9	8.0	7.9	8.3	8.8	6.3	9.3	8.7	Đ	Đ	Đ	9.1	8.2	K	T	TT	Lên lớp	
20	Lư Mỹ	Linh	x	9.0	9.5	9.0	8.7	9.9	9.7	8.7	9.8	8.7	Đ	Đ	Đ	9.5	9.3	G	T	G	Lên lớp	
21	Trần Gia	Long		8.1	7.3	7.0	7.6	8.1	6.9	8.3	8.6	7.7	Đ	Đ	Đ	7.5	7.7	K	T	TT	Lên lớp	
22	Nguyễn Thành	Lộc		6.5	5.9	5.3	5.6	6.8	6.3	5.3	7.1	7.0	Đ	Đ	Đ	6.8	6.3	Tb	T		Lên lớp	
23	Trần Nguyễn Thanh	Mây	x	6.3	8.1	8.2	8.4	5.9	8.8	7.0	9.2	8.4	Đ	Đ	Đ	8.1	7.8	K	T	TT	Lên lớp	
24	Lê Lâm Trúc	Mi	x	7.9	7.9	8.2	7.8	8.8	9.0	6.7	9.3	8.1	Đ	Đ	Đ	8.7	8.2	K	T	TT	Lên lớp	
25	Trần Thị Kim	Ngân	x	6.6	6.7	7.9	7.6	8.1	7.9	5.9	9.4	7.0	Đ	Đ	Đ	8.0	7.5	K	T	TT	Lên lớp	
26	Trần Hữu	Nghĩa																				
27	Lâm Bích	Ngọc	x	7.2	9.0	8.2	8.3	8.0	8.1	7.9	9.1	8.5	Đ	Đ	Đ	8.2	8.3	G	T	G	Lên lớp	
28	Nguyễn Cao	Nhân		5.0	7.7	7.3	6.8	7.9	7.9	7.6	6.7	7.2	Đ	Đ	Đ	7.8	7.2	K	T	TT	Lên lớp	
29	Trương Thành	Nhân		7.7	8.3	7.5	7.6	8.9	8.9	7.8	9.2	8.5	Đ	Đ	Đ	8.3	8.3	K	T	TT	Lên lớp	
30	Lê Ánh	Nhi	x	8.8	8.2	7.4	8.3	7.0	7.0	6.1	9.7	8.2	Đ	Đ	Đ	7.7	7.8	K	T	TT	Lên lớp	
31	Vũ Trần Yến	Nhi	x	8.2	9.0	8.9	8.6	9.0	9.0	9.2	9.9	9.0	Đ	Đ	Đ	9.4	9.0	G	T	G	Lên lớp	
32	Trương Vinh	Phát																				
33	Nguyễn Ngọc	Phú		6.9	6.4	4.3	7.0	6.4	5.5	8.4	7.3	6.8	Đ	Đ	Đ	5.4	6.4	Tb	T		Lên lớp	
34	Phạm Ngọc Minh	Quân		8.3	8.8	9.5	8.7	9.5	9.1	9.1	9.5	8.4	Đ	Đ	Đ	9.6	9.1	G	T	G	Lên lớp	
35	Phạm Phúc	Tài		7.2	7.3	7.4	6.8	7.8	7.8	6.8	8.3	8.2	Đ	Đ	Đ	7.8	7.5	K	K	TT	Lên lớp	
36	Trần Minh	Tân		7.9	8.4	7.1	7.2	8.1	7.4	7.9	9.2	8.4	Đ	Đ	Đ	9.1	8.1	K	K	TT	Lên lớp	
37	Chu Nguyễn Quốc	Thắng		7.0	7.6	7.4	8.2	8.4	8.2	9.0	9.1	8.3	Đ	Đ	Đ	8.6	8.2	G	T	G	Lên lớp	
38	Phạm Cao Minh	Thư	x	7.0	8.3	7.3	8.8	8.3	7.6	6.6	9.2	8.1	Đ	Đ	Đ	8.1	7.9	K	T	TT	Lên lớp	
39	Đàm Anh	Thy	x	5.9	7.1	7.5	7.7	8.2	8.3	6.3	8.9	8.4	Đ	Đ	Đ	8.5	7.7	K	K	TT	Lên lớp	
40	Lý Thanh	Trọng		9.3	8.7	8.1	7.9	8.3	9.5	8.9	9.2	8.6	Đ	Đ	Đ	9.2	8.8	G	T	G	Lên lớp	
41	Nguyễn Đức	Tú		7.8	7.2	6.4	7.4	7.5	7.5	5.8	8.1	7.6	Đ	Đ	Đ	7.7	7.3	K	T	TT	Lên lớp	
42	Nguyễn Thị Anh	Tuyết	x	4.2	5.4	6.0	6.1	5.8	5.6	4.6	6.3	6.6	Đ	Đ	Đ	6.8	5.7	Tb	K		Lên lớp	
43	Lê Gia Cát	Tường	x	7.0	7.5	7.1	7.3	8.5	8.4	8.0	9.0	8.4	Đ	Đ	Đ	8.6	8.0	G	K	TT	Lên lớp	
44	Nguyễn Nhật Khánh	Uyên	x	6.1	6.8	8.1	7.8	8.8	6.6	6.8	7.5	8.6	Đ	Đ	Đ	7.9	7.5	K	K	TT	Lên lớp	
45	Vũ Nguyễn Phương	Vi	x	7.2	7.8	7.3	7.2	7.4	7.5	8.2	8.3	8.0	Đ	Đ	Đ	8.7	7.8	K	T	TT	Lên lớp	
46	Nguyễn Thị Thảo	Vy	x																			
47	Trần Thị Tường	Vy	x	5.1	7.1	7.5	7.4	6.9	8.4	5.7	9.0	8.4	Đ	Đ	Đ	8.3	7.4	K	T	TT	Lên lớp	
48	Nguyễn Hồng	Yến	x	9.5	8.8	8.9	8.7	9.2	9.6	9.0	9.1	8.4	Đ	Đ	Đ	9.3	9.1	G	T	G	Lên lớp	

Giáo viên chủ nhiệm xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)